

Bản án số: 09/2021/HS-PT

Ngày: 12 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Minh Thành.
2. Bà Nguyễn Thị Như Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Ngọc Q và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Ngọc Q: Sinh ngày 13/01/1996 tại tỉnh Đ. Nơi cư trú: Làng B, xã Ia K, huyện Ia G, tỉnh G. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc K và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị N và 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh G xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích); Ngày 02/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh G xử phạt 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. (đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích). Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 14/5/2020, ngày 15/5/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Vũ T: Sinh năm 1971 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh K. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng T và bà

Phạm Thị T; có vợ là Võ Thị Hồng C (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua lâm sản trái với quy định của Nhà nước và vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Mức xử phạt 80.000.000 đồng vào ngày 18/01/2016, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020 đến ngày 23/4/2020. Ngày 04/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Chu Văn H: Sinh ngày 03/02/1976 tại tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh G. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Đ và bà Võ Thị T (đã chết); có vợ là Đỗ Thị Kim H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 14/5/2020, ngày 15/5/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn K: Sinh ngày 10/01/1976 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh K. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Dương Thị N (đều đã chết); có vợ là Trần Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020 cho đến ngày 23/4/2020. Ngày 04/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. Tô Văn A: Sinh ngày 16/8/1982 tại tỉnh B. Nơi cư trú: Bản 11, xã T, huyện K, tỉnh G. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Tuyết H; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/4/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 12 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” (đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 14/5/2020, ngày 15/5/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 02 năm 2020, Phạm Ngọc Q đến khoảnh 3 tiểu khu 279 lâm phần Lâm trường Đăk Tô quản lý mua 01 cây gỗ Phay đã bị cưa hạ và tự mình dùng máy cưa xăng tiến hành cắt cây gỗ phay thành 05 lóng với chiều dài mỗi lóng là 3,5m. Q xẻ được 01 hộp với khối lượng 1,568 m³ (đã quy tròn) thì đi về để tìm thuê người xẻ.

Đến ngày 17/4/2020, Q thuê H và điều khiển xe mô tô BKS 82H2-0882 chở H đi xẻ gỗ. Q phụ H cưa xẻ được 02 lóng thành 04 hộp với khối lượng 4,984 m³ (đã quy tròn).

Đến sáng ngày 18/4/2020, Q gọi điện thuê Tô Văn A đi phụ xẻ gỗ, gọi điện cho Đặng Vũ T để thuê xe máy cày đi chở gỗ cho Q và nhờ T tìm thêm cho một người có xe giống như T để đi làm cho nhanh. Khoảng 18 giờ cùng ngày, thấy K điều khiển xe máy cày đi ngang qua nên T gọi vào và rủ đi chở gỗ cho Quang .

Sáng ngày 19/4/2020, Q đã đưa cho T 5.000.000 đồng ứng trước tiền đổ xăng dầu. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô chở H, A mang theo 01 máy cưa xăng đến đoạn cây xăng tại thị trấn P, huyện N, tỉnh K chờ T.

T, K điều khiển xe máy cày chở theo A, H cùng máy cưa xăng đi vào vị trí cây gỗ Phay để tiếp tục khai thác và vận chuyển gỗ. Khi vào đến ngã ba thôn Đắk Kon, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K thì H, A, T, K đi lên địa điểm cây gỗ Phay, còn Q ở dưới khu vực thôn để lo cơm nước và canh giới. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, 04 người trên và 02 xe máy cày vào đến rẫy mì của anh A M thì bị giữ lại. Sau đó Q lên thương lượng và đưa cho anh A M số tiền 1.500.000 đồng để đền bù hoa màu thì anh A M cho xe qua (trước đó Q đã đưa cho Y B là vợ của anh A M số tiền 3.500.000 đồng để đền bù hoa màu).

Khi vào đến nơi hai nhóm làm độc lập với nhau, T và K luân phiên nhau tiến hành buộc dây cáp vào các hộp gỗ đã được xẻ trước đó rồi lên 02 xe máy cày và không tham gia vào việc cưa xẻ. H và A tiến hành cưa xẻ 02 lóng thành 05 hộp với khối lượng 8,1808 m³ (đã quy tròn) và tiến hành xẻ dỡ 01 lóng còn lại với khối lượng 2,327 m³ thì dừng lại.

Đến khoảng 20 giờ ngày 19/4/2020, xe của T chất xong 03 hộp gỗ với khối lượng 3,528 m³ (đã quy tròn) và xe của K cũng chất xong 03 hộp gỗ với khối lượng 4,704 m³ (đã quy tròn). Lúc này Q và A L đưa cơm lên thì cả 05 người ăn cơm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong Q và A xuống trước, T và K điều khiển xe máy cày xuống sau, A L được Q nhờ ngồi lên xe máy cày của T giữ hộ máy cưa khỏi bị rơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày khi T, K đang chở gỗ ra thì bị lực lượng chức năng phát hiện. K bị bắt quả tang cả tang vật lẫn phương tiện, T và A L khi bị phát hiện thì bỏ xe máy cày lại và bỏ chạy.

Đến ngày 20/4/2020, T ra đầu thú, ngày 06/5/2020, cả Q, H, A đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/4/2020 xác định tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại do Q, H, A, T, K khai thác là 17,0598 m³ (đã quy tròn - gỗ phay nhóm VI).

Qua mở rộng hiện trường phát hiện thêm 02 lóng gỗ Sao cát khối lượng 5,376 m³ nhưng không có chứng cứ chứng minh các bị cáo liên quan đến việc cưa hạ cây.

Bản kết luận định giá tài sản xác định giá trị đối với 22,4358 m³ gỗ Phay và Sao cát (đã quy tròn) là 89.740.000 đồng, trong đó trị giá đối với 17,0598m³ gỗ Phay (đã quy tròn) mà Q, H, A khai thác là 68.236.000 đồng.

Kết luận giám định tư pháp kết luận mẫu gỗ kích thước (06cmx10cmx02cm) bào nhẵn 05 (Năm) mặt là gỗ Phay nhóm VI.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum quyết định như sau:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc Q, Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc Q 04 (Bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đặng Vũ T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo **Chu Văn H 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 23 tháng 4 năm 2020.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Tô Văn A 02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015:

Phạt tiền bị cáo Phạm Ngọc Q 20.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 27/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, còn phải nộp: 19.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Đặng Vũ T 15.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002514 ngày 10/12/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, còn phải nộp 13.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn K 15.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002515 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, còn phải nộp 13.000.000 đồng.

Phạt tiền Chu Văn H và Tô Văn A mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 27/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, mỗi bị cáo còn phải nộp: 9.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, các bị cáo Đặng Vũ T và Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A và Phạm Ngọc Q có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Bị cáo Phạm Ngọc Q xin giảm nhẹ hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc Q đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T và Nguyễn Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố Nhà nước kiểm sát xét xử phúc thẩm sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Ngọc Q, Đặng Vũ T, Chu Văn H, Tô Văn A, Nguyễn Văn K với tội danh và mức hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc Q xin rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Q.

Xét kháng cáo của các bị cáo H, T, A, K thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo không ai xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

Các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc Q, Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục 20A-20D); Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 239-240); Kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐGTS ngày 04/5/2020 (bút lục 282-283, 286-287); Kết luận giám định tư pháp về chủng loại gỗ (bút lục 546-548) và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng giữa tháng 02 năm 2020, Phạm Ngọc Q vào rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ mua 01 cây gỗ Phay đã bị cưa hạ, Q dùng máy cưa xăng tiến hành cắt cây gỗ phay thành 05 lóng với chiều dài mỗi lóng là 3,5m và chỉ xẻ được 01 hộp với khối lượng 1,568 m³ (đã quy tròn). Q thuê H cưa xẻ hai lóng gỗ thành 04 hộp 4,984m³ vào ngày 17/4/2019; thuê A phụ H cưa xẻ hai lóng gỗ thành 05 hộp 10,5078m³ vào ngày 19/4/2019 và thuê K, T thay phiên nhau tời các hộp gỗ này lên xe và vận chuyển ra khỏi rừng. Tổng khối lượng gỗ bị khai thác là 17,0598 m³ (đã quy tròn - gỗ phay nhóm VI), giá trị là 68.236.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phạm Ngọc Q, Đặng Vũ T, Chu Văn H và Nguyễn Văn K phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015; tuyên xử bị cáo Tô Văn A phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc Q đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Ngọc Q.

[4]. Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đặng Vũ T, Chu Văn H, Nguyễn Văn K và Tô Văn A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đồng thời đánh giá đúng về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để lượng hình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Đặng Vũ T, Chu Văn H, Nguyễn Văn K và Tô Văn A.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm

trọng, gây nguy hại cho môi trường và xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên việc áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội với một thời hạn thích hợp là cần thiết, để giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm. Riêng bị cáo Tô Văn A có nhân thân không tốt, không thỏa mãn điều kiện cho hưởng án treo được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt mức án 03 năm tù đối với bị cáo Chu Văn H, 02 năm tù đối với bị cáo Tô Văn A, 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Đặng Vũ T, 03 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn K là phù hợp và có căn cứ.

[5]. Về nội dung kháng cáo xin không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đồng thời căn cứ vào tình hình tội phạm về rừng và lâm sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đang có chiều hướng gia tăng cần được xử lý nghiêm minh. Do vậy, việc áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A là cần thiết. Cấp sơ thẩm tuyên mức phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn H và Tô Văn A, mỗi bị cáo với số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp.

[6]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

[7]. Đối với phần quyết định về hình phạt bổ sung của Tòa cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền mà các bị cáo Phạm Ngọc Q, Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T và Nguyễn Văn K đã nộp để khắc phục hậu quả, nay được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử xem xét sửa lại nội dung này cho phù hợp.

[8]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc Q đã rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Q. Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm Ngọc Q.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T và Nguyễn Văn K. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đặng Vũ T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo **Chu Văn H 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 23 tháng 4 năm 2020.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Tô Văn A 02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015:

Phạt tiền bị cáo Phạm Ngọc Q 20.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 27/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung. Bị cáo Phạm Ngọc Q còn phải nộp số tiền 19.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Đặng Vũ T 15.000.000 đồng. Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002514 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung. Bị cáo Đặng Vũ T còn phải nộp số tiền 13.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn K 15.000.000 đồng. Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002515 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung. Bị cáo Nguyễn Văn K còn phải nộp số tiền 13.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Chu Văn H 10.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 27/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung. Bị cáo Chu Văn H còn phải nộp số tiền 9.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Tô Văn A 10.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 27/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được chuyển sang để thi hành hình phạt bổ sung. Bị cáo Tô Văn A còn phải nộp số tiền 9.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án: Các bị cáo Chu Văn H, Tô Văn A, Đặng Vũ T, Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/5/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Công an huyện Đắk Tô;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh